TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 7 năm 2019
"V/v Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Kiều Công Ích** và ông **Phùng Văn Thị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Tuyết Mai** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Xuân H** – Sinh năm 1982
Nơi cư trú: Khu 9, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Nghề nghiệp: Lao động tự do

Bị đơn: Chị **Châu Thị N** - Sinh năm 1986
Nơi cư trú: Khu 9, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông **Nguyễn Xuân D** - Sinh năm 1945
Nơi cư trú: Khu 9, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn anh **Nguyễn Xuân H** trình bày:

- Anh và chị Châu Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/3/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh, đến năm 2010, cả hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động làm kinh tế ở Malayxia cho đến năm 2013 thì về nước. Khi về nước, do tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng nên anh anh lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động, còn chị N vẫn sống chung cùng gia đình anh. Cho đến đầu năm

2019 thì anh về nước nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ đầu năm 2019, không còn có trách nhiệm gì đối với nhau nữa. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với chị Châu Thị N.

- Về con chung: Anh và chị Châu Thị N có với nhau 01 con chung là Nguyễn Minh N - Sinh ngày 25/02/2008, hiện đang ở cùng với chị N. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý để cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 800.000.đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp anh và chị Châu Thị N không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Trong thời gian chị N chung sống cùng anh và gia đình anh không có đóng góp gì về tài sản nhưng chị N cũng có công sức nhất định nhưng không đáng kể. Trong quá trình hòa giải, vì muốn giải quyết tình cảm nên anh đã đồng ý thanh toán cho chị N số tiền 100.000.000đ nhưng chị N không đồng ý. Nay nếu chị N vẫn tiếp tục yêu cầu công sức anh chỉ chấp nhận thanh toán cho chị N số tiền 50.000.000.đ, nếu chị N không chấp nhận anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là chị **Châu Thị N** trình bày:

- Chị N xác nhận về thời gian, thủ tục kết hôn, thời gian, quá trình chung sống đúng như anh Nguyễn Xuân H đã trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra những bất đồng và có nhiều năm vợ chồng phải sống xa nhau do anh H đi xuất khẩu lao động đã làm ảnh hưởng đến tình cảm quan hệ vợ chồng nên đã sống ly thân. Nay chị N cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, chị cũng yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân H có với nhau 01 con chung là Nguyễn Minh N - Sinh ngày 25/02/2008, hiện đang ở với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mà tại phiên tòa anh H đã đưa ra là 800.000.đ/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung, đất nông nghiệp chị đồng ý với lời trình bày của anh Hải, chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp: Dù không có tài sản chung với anh H nhưng chị có thời gian 12 năm làm dâu, ở chung cùng gia đình nhà anh H, khi về làm dâu thì gia đình anh H chỉ có căn nhà tạm, sau nay, hai vợ chồng đi xuất khẩu lao động có thường xuyên gửi tiền về để bố mẹ anh H xây nhà và còn góp tiền để trả nợ Ngân hàng. Những việc đóng góp này mặc dù chị không có chứng cứ gì nhưng là thực tế, tại phiên tòa chị yêu cầu anh Hải phải có nghĩa vụ thanh toán phần công sức cho chị với số tiền là 100.000.000đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Nguyễn Xuân D** trình bày quan điểm như sau: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Xuân H, chị N là vợ anh H và là con dâu của ông. Kể từ khi chị N về làm dâu, ở chung với gia đình ông không có

đóng góp gì cho gia đình. Việc gia đình ông xây nhà là do vợ chồng ông bán đất của bố mẹ ông để lại và vay Ngân hàng để xây. Chị N yêu cầu gia đình ông thanh toán công sức không không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không kết quả. Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu, không thỏa thuận được vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân H và chị Châu Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đ- ợc cơ quan Nhà n- ớc có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, lại có nhiều năm phải sống xa nhau do một bên đi xuất khẩu lao động, vợ chồng lại không có sự tin t- ởng đối với nhau là những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Cả hai bên cũng đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không muốn níu kéo hôn nhân nên đã sống ly thân nhau từ nhiều tháng nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn nghĩa vụ th- ơng yêu, quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, việc thuận tình ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên đ- ợc công nhận.

[3]. Về con chung: Anh H và chị N đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Minh N - Sinh ngày 25/02/2008, hiện đang ở cùng chị N. Tại phiên tòa, anh H và chị N đã thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H sẽ cấp dưỡng nuôi con 800.000.đ/tháng kể từ tháng 8/2019. Xét chị N có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo được quyền lợi và sự phát triển của con chung, cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và không trái pháp luật nên được công nhận.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp: Anh H và chị N đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Về công sức đóng góp: Chị N yêu cầu anh H phải thanh toán công sức trong thời gian chị N làm dâu, sống chung cùng gia đình anh H. Về phía gia đình anh H do ông Nguyễn Xuân D đại diện cho rằng chị N không có đóng góp gì cho gia đình ông nên không đồng ý với yêu cầu công sức của chị N. Mặc dù chị N không có chứng cứ cụ thể nào để thể hiện có việc đóng góp công sức cho gia đình anh H; tuy nhiên, trong giai đoạn hòa giải, anh H xác nhận chị N công sức đóng góp nhất định và đồng ý thanh toán cho chị N số tiền 100.000.000.đ nhưng chị N không đồng ý mà

yêu cầu 150.000.000đ. Tại phiên tòa, anh H vẫn thừa nhận chị N có đóng góp công sức nhưng lại chỉ chấp nhận mức thanh toán cho chị Ngọc 50.000.000đ, còn chị N yêu cầu 100.000.000đ. Chị N và anh H đều thống nhất anh H sẽ là người có nghĩa vụ thanh toán cho chị N nhưng cả hai lại không thống nhất được số tiền phải thanh toán. Như vậy, dù không có chứng cứ thể hiện, cũng không xác định được cụ thể công sức như thế nào nhưng việc chị N có những đóng góp nhất định cho gia đình anh H là thực tế, đã được anh H thừa nhận; ngoài ra, sau khi ly hôn chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, sẽ có những khó khăn nhất định trong việc tạo lập cuộc sống mới và cũng là để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho chị N nên việc buộc anh H phải có nghĩa vụ thanh toán công sức đóng góp cho chị N một khoản tiền là phù hợp.

[6]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân H và chị Châu Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 61, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Châu Thị N.

- **Về con chung**: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Xuân H và chị Châu Thị N về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn như sau: Giao cho chị Châu Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh N - Sinh ngày 25/02/2008 (hiện con chung đang ở cùng chị N);

Anh Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng là **800.000**.đ (tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ng- ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai đ- ợc cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và đất nông nghiệp không có nên không đặt ra giải quyết.

- **Về công sức đóng góp**: Buộc anh Nguyễn Xuân H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Châu Thị N số tiền **80.000.000**đ (tám m- ơi triệu đồng).

Tr□ờng hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nh□ng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: - Anh Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000.đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000.đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng là **600.000**.đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận anh H đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2016/0001625 ngày 19/4/2019.

- Chị Châu Thị Ngọc phải nộp **4.000.000**đ (bốn triệu đồng) tiền án phí đối với giá trị tài sản được thanh toán.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã C, h. T;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn